

BẢNG BÁO GIÁ SƠN Á ĐÔNG

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ
SƠN LỚP LÓT ĐẦU TIÊN			
1	Metazinc EP-25QD Sơn lót Epoxy kẽm khô rất nhanh - 2 thành phần	Bộ 14L	3,235,540
2	(Dùng THINNER 044 EP)	Bộ 3.5L	808,885
3	Metazinc EP-50 Sơn Epoxy kẽm độ dày cao - 2 thành phần (Dùng THINNER 044 EP)	Bộ 4L	1,567,192
4	Metapox NZ Primer	Lít	117,249
SƠN LÓT CHỐNG ĂN MÒN			
5	Metachlor AC Lớp sơn lót đầu tiên như epoxy-kẽm, cho nhiều mục đích như đáy tàu, mạn tàu, công trình thủy, công trình công nghiệp (Dùng THINNER 022 CV)	Bộ 20L	2,274,800
6		Bộ 5L	568,700
7	Metavinyl BTM Sơn Epoxy - hắc ín độ dày cao, độ bền cao, dùng sơn lót chống ăn mòn cho đáy tàu và phần mạn dưới nước. (Dùng (Dùng THINNER 077 TE)	Bộ 20L	2,243,340
8	Metapox AC (chỉ có Silver, Red Silver) Sơn lót chống ăn mòn độ bền cao, dùng sơn trên bề mặt thép trần hay trên lớp sơn lót đầu tiên (Shop primer) như Epoxy-kẽm, cho những nơi có điều kiện môi trường khắc nghiệt như đáy tàu, mạn tàu, công trình thủy, công trình công nghiệp (Dùng THINNER 066 EP)	Bộ 20L	2,625,700
9		Bộ 5L	656,425
10	Metarproor BTM Sơn Epoxy - hắc ín độ dày cao, độ bền cao, dùng sơn lót chống ăn mòn cho đáy tàu và phần mạn dưới nước.(Dùng THINNER 077 TE)	Bộ 20L	2,274,800
SƠN CHỐNG HÀ			
11	Metachlor AF10 Sơn chống hà cho đáy tàu biển (Dùng THINNER 022 CV)	Bộ 20L	9,188,740
12		Bộ 5L	2,297,185
13	Metachlor AF450 Sơn chống hà không chứa thiếc -Tin free self-polishing Anti-fouling Paint Sơn chống hà cho đáy tàu biển, phương tiện vận tải thủy. Đặc biệt dùng cho mục đích sơn sửa chữa lại – không phải sơn mới. (Dùng THINNER 022)	Bộ 20L	8,656,340
14		Bộ 5L	2,164,085
SƠN LÓT CHỐNG RỈ			
15	Metakyd Primer Sơn lót chống rỉ đa dụng, sử dụng trong môi trường ngoài trời lẫn trong nhà cho tàu biển, công nghiệp, xây dựng, cơ khí... (Dùng THINNER 011 AK)	20L	1,868,240
16		5L	467,060

17	Metakyd Primer L		L	103,818
18	Metachlor Primer Sơn chống rỉ gốc Chlor-rubber. Chlor-rubber Primer		20L	2,221,560
19	Sơn lót chống rỉ, dùng trong môi trường khí quyển ngoài trời cho tàu biển, công nghiệp, cơ khí.... (Dùng THINNER 022)		5L	555,390
20	Metapox Primer Sơn chống rỉ Epoxy độ dày cao 2 thành phần.		Bộ 20L	2,616,020
21	Sơn lót chống rỉ độ dày cao, độ bền rất cao dùng cho mục đích chịu đựng lâu dài ngoài trời hay chịu đựng những điều kiện khắc nghiệt trong công nghiệp, công nghiệp biển, tàu biển (Dùng THINNER 066)		Bộ 5L	654,005
SƠN PHỦ LỚP CUỐI CÙNG				
22	Metakyd Top HG	Màu Đen & Nhạt	20L	2,027,960
23			5L	506,990
24		Màu trắng, Tươi, Mạnh	20L	2,163,480
25			5L	540,870
26		Tín hiệu	20L	2,306,260
27			5L	576,565
28	Metakyd BTĐ Sơn cho bề mặt sắc thép (Dùng THINNER 011 AK)	Màu Đen & Nhạt	20L	2,027,960
29			5L	506,990
30		Màu trắng, Tươi, Mạnh	20L	2,163,480
31			5L	540,870
32		Tín hiệu	20L	2,306,260
33			5L	576,565
34	Metachlor BTĐ Sơn phủ màu đa dụng dùng cho tàu biển, công trình công nghiệp, cơ khí và nhiều lĩnh vực khác.(Dùng THINNER 022CV)	Màu Đen & Nhạt	20L	2,456,300
35			5L	614,075
36		Màu trắng, Tươi, Mạnh	20L	2,536,160
37			5L	634,040
38		Tín hiệu	20L	2,642,640
39			5L	660,660
40	Metapox Top Sơn phủ màu độ bền cao, dùng sơn trên bề mặt kim loại, bê tông (Dùng THINNER 066 EP)	Màu Đen & Nhạt	Bộ 20L	2,722,500
41			Bộ 4L	544,500
42		Màu trắng, Tươi, Mạnh	Bộ 20L	2,904,000
43			Bộ 4L	580,800
44		Tín hiệu	Bộ 20L	3,034,680
45			Bộ 4L	606,936
46	Metathane Top 4000	Màu Đen & Nhạt	LÍT	194,810
47		Màu trắng, Tươi, Mạnh	LÍT	237,281
48		Tín hiệu	LÍT	261,723
49	Metathane Top 6000 Sơn phủ màu đa dụng dùng cho tàu biển, công trình công nghiệp, cơ khí và nhiều lĩnh vực khác (THINNER 088 PU)	Màu Đen & Nhạt	Bộ 16L	3,668,720
50			Bộ 4L	917,180
51		Màu trắng, Tươi, Mạnh	Bộ 16L	4,435,376
52			Bộ 4L	1,108,844
53		Tín hiệu	Bộ 16L	5,167,184
54			Bộ 4L	1,291,796

55		Màu Đen & Nhạt	20L	2,456,300
56	Metaric Top		5L	614,075
57	Sơn 1 thành phần đã pha sẵn, Sơn cho các công trình công nghiệp, cơ khí và các Lĩnh vực khác (THINNER 033 SA)	Màu trắng, Tươi, Mạnh	20L	2,674,100
58			5L	668,525
59		Tín hiệu	20L	2,955,183
60			5L	703,615
SƠN BÊN TRONG BỒN CHỨA				
61	Metapox Primer RC Sơn Epoxy đặc biệt, dùng sơn lót lớp đầu tiên trên bề mặt sắt thép được xử lý phun cát bên trong bồn chứa – hầm chứa một số dung môi, nhiên liệu xăng dầu, nhớt, dầu thực vật, nước biển... (THINNER 066 EP)		Bộ 20L	3,170,200
62	Metapox RC 100 Under coat - Xanh lá cây nhạt Hệ sơn Epoxy đặc biệt, độ dày cao, dùng sơn bên trong bồn chứa các loại hoá chất như các loại dung môi, nhiên liệu xăng dầu, nhớt, dầu thực vật, nước biển.....(THINNER 066 EP)		Bộ 20L	3,170,200
63	Metapox RC 100 Finish - Xám Hệ sơn Epoxy đặc biệt, độ dày cao, dùng sơn bên trong bồn chứa các loại hoá chất như các loại dung môi, nhiên liệu xăng dầu, nhớt, dầu thực vật, nước biển.....(THINNER 066 EP)		Bộ 20L	3,470,280
64	Metapox PW 100 Primer & Finish sơn Epoxy đặc biệt, độ dày cao, độ bền cao, không gây ô nhiễm nước tinh khiết, dùng sơn bên trong bồn chứa – hầm chứa nước sạch, nước uống, nước cất.....(THINNER 066 EP)		Bộ 20L	2,814,460
65			Bộ 5L	703,615
66	Metarproof Nâu và Đen Sơn Epoxy - hắc ín độ dày cao, độ bền cao, dùng sơn lót chống ăn mòn cho đáy tàu và phần mạn dưới nước. (THINNER 077 TE)		Bộ 20L	2,274,800
67	Metarproof HB		1 Lít	116,402
SƠN ĐA DỤNG				
68	Metapox HB 50 Sơn Epoxy độ dày cao, độ bền cao, dùng sơn phủ hoặc sơn lót trên bề mặt kim loại và bê tông (THINNER 066 EP)		Bộ 20L	2,618,440
69	Metapox HB60 Sơn duy nhất một lớp vừa chống ăn mòn, vừa sơn phủ ,độ dày cao dùng cho hầm nước dẫn tàu, khoang hóa chất, tàu chứa dầu thô, những kết cấu ngâm chìm trong nước, nước biển, ẩm ướt trong công nghiệp... (THINNER 066 EP)		Bộ 20L	2,705,560
70	Metar coat QD Sơn 1 thành phần đã pha sẵn, sơn tổng hợp bitum- hắc ín dùng sơn chống ăn mòn những nơi thường xuyên ẩm ướt hoặc chịu nước bắn, neo, xích... của tàu biển trong công nghiệp ... (THINNER 022 CV)		20L	2,156,220
71			5L	539,055
72	Metapride (Có màu: Đỏ, đen, Trắng, xám, xanh lá) Sơn Epoxy đặc biệt đa dụng độ dày cao, sử dụng trong công nghiệp, tàu biển và nhiều lĩnh vực khác (THINNER 099 ME)		Bộ 20L	2,877,380
73			Bộ 5L	719,345
74	Metapox HS 90			Liên hệ
75	Metaforce EP plus			Liên hệ

76	Metazinc IS-75 Sơn lót kẽm 2 thành phần (THINNER 055 IS)	Bộ 4L	Liên hệ	
SƠN CHUYÊN DỤNG				
77	Metakyd Silver (THINNER 011 AK) Sơn nhũ bạc gốc dầu, sử dụng cho kết cấu sắt thép, có thể sử dụng làm lớp lót cho bề mặt gỗ	20L	2,231,240	
78		5L	557,810	
79	Metapox GS (THINNER 066 EP)	Bộ 20L	2,616,020	
80	Sơn lót Epoxy cho bề mặt kim loại	Bộ 5L	654,005	
81	Metapox Concrete SC Sơn lót Epoxy chống kiềm cho bề mặt bê tông xi măng (THINNER 066 EP)	Bộ 20L	2,616,020	
82		Bộ 4L	523,204	
83	Metatherm 200-Undercoat & Finish Sơn chịu nhiệt đến 250 độ C gốc silicone (THINNER 033 SA)	5L	1,454,420	
84	Metatherm 300-Undercoat & Finish Sơn chịu nhiệt đến 350 độ C gốc silicone(THINNER 033 SA)	5L	1,775,675	
85	Metatherm 600-Undercoat & Finish Sơn chịu nhiệt đến 650 độ C gốc silicone(THINNER 033 SA)	5L	2,364,340	
DUNG MÔI PHA LOÃNG				
86	Thiner 044 EP	5L	368,445	
87	Thiner 066 EP	5L	368,445	
88	Thiner 022 CV	5L	324,280	
89	Thiner 077 TE	5L	350,900	
90	Thiner 088 PU	5L	368,445	
91	Thiner 011 AK	5L	324,280	
92	Thiner 055 IS	5L	368,445	
93	Thiner 033 SA	5L	350,900	
94	Thiner 099 ME	5L	350,900	
95	Thiner 089 PU	5L	368,445	
96	Cleaner	5L	301,895	
97	Oil Remover	5L	355,135	
SƠN ALKYD SUMO AC				
98	SƠN PHỦ	Mã: 130, 180, 210, 221, 222, 224, 233, 300, 321, 330, 340, 350, 352, 353, 354, 360, 370, 372, 373, 374, 375, 400, 410, 420, 430, 435, 440, 450, 451, 454, 455, 460, 461, 462, 470, 471, 510, 512, 514, 520, 560	Th/18L	1,385,208
99			Lon/3L	242,121
100			Lon/0,8L	67,082
101			Lon/0,45L	40,456
102			Th/18L	1,274,130
103		Mã: 100 (Đen), 220, 225, 452, 453, 530, 532, 540, 544, 545, 550, 571, 573	Lon/3L	222,882
104			Lon/0,8L	61,662
105			Lon/0,45L	37,244
106			Th/18L	1,565,982
107		Mã: 110 (Trắng), 240, 250, 260, 310, 311, 320, 570, 610	Lon/3L	274,065
108			Lon/0,8L	75,794
109			Lon/0,45L	45,738

110	SƠN LÓT	Mã: 030(xám)	Th/18L	1,086,822
111			Lon/3L	190,212
112			Lon/0,8L	52,659
113			Lon/0,45L	31,799
114		Mã: 011(nâu đỏ)	Th/18L	967,032
115			Lon/3L	169,158
116			Lon/0,8L	46,754
117			Lon/0,45L	30,165
118		Mã: 012 (màu cam nhưng đã bỏ)	Th/ 20Kg	1,067,220
119			Lon/4Kg	224,092
120			Lon/1Kg	59,169
121			DUNG MÔI	SUMO THINER
122	Lon/0.8L	52,175		
123	SƠN PHỦ BÓNG	Dầu Bóng Alkyd	Th/ 18L	1,315,512
124			Lon/3 L	229,053
125			Lon/0.8L	66,405
SƠN ALKYD WHITE HORSE				
126	SƠN LÓT	011 (nâu đỏ)	Th/18L	936,540
127			Lon/3L	166,980
128			Lon/0.8L	47,432
129		030 (màu xám)	Th/18L	1,051,974
130			Lon/3L	185,856
131			Lon/0.8L	52,466
132	SƠN PHỦ	Mã: 324, 325, 436, 525, 535	Th/18L	1,326,402
133			Lon/3L	231,957
134			Lon/0.8L	64,953
135		Mã: 412, 546	Th/18L	1,361,250
136			Lon/3L	237,765
137			Lon/0.8L	66,598
138		Mã: 110, 255, 315	Th/18L	1,498,464
139			Lon/3L	261,360
140			Lon/0.8L	72,794
141	Mã: 125, 126, 127, 130, 219		Th/18L	1,315,512
142			Lon/3L	231,957
143			Lon/0.8L	64,953
144	Mã: 100	Th/18L	1,143,450	
145		Lon/3L	201,102	
146		Lon/0.8L	56,725	